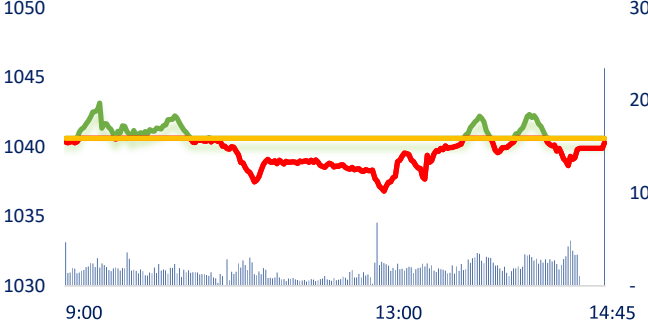
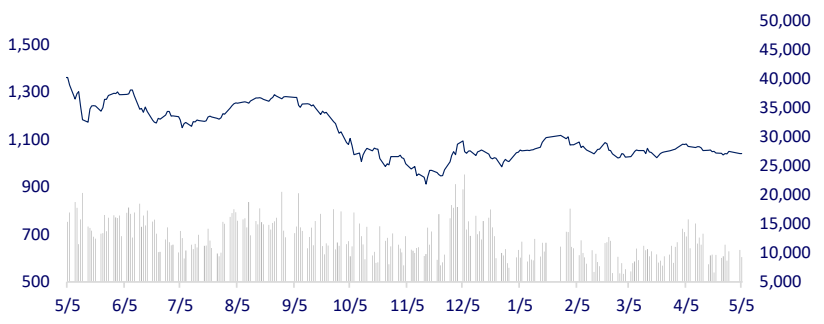


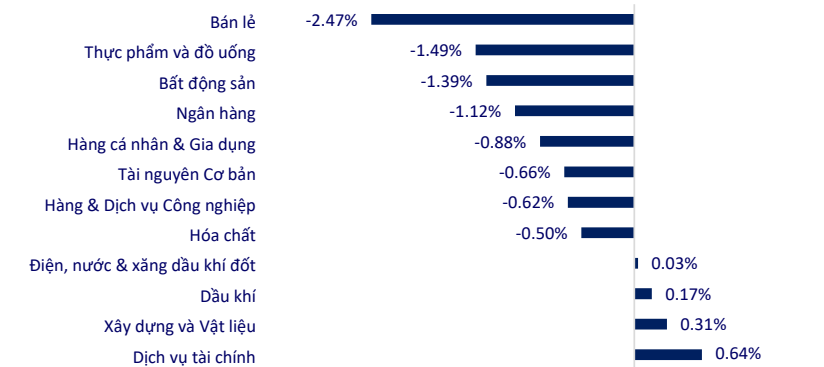
TTCK VIỆT NAM

		1D	YTD
VN-INDEX	1,040.31	-0.03%	3.30%
VN30	1,038.46	-0.11%	3.31%
HNX	207.80	-0.17%	1.21%
UPCOM	77.56	0.38%	8.25%
GT mua ròng NĐTNN (tỷ)	-174.63		
Tổng GTGD (tỷ)	10,753.36	-11.99%	24.81%

Phiên giao dịch cuối tuần, VNIndex có dấu hiệu hồi phục ngay đầu phiên sáng sau phiên giảm điểm ngày hôm qua. Tuy nhiên đà tăng điểm đã không duy trì được lâu khiến VNIndex quay đầu đi xuống. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán tiếp tục đáng chú ý với đại diện VIX, sau khi tăng trần phiên giao dịch hôm qua, thì hôm nay tiếp tục có phiên thứ 3 tăng liên tiếp với KLGD hơn 24 triệu đơn vị.

INTRADAY VNINDEX

VNINDEX (1Y)

ETF & PHÁI SINH

		1D	YTD
E1VFN30	18,000	0.39%	3.87%
FUEMAV30	12,290	0.16%	3.10%
FUESSV30	12,760	0.95%	2.24%
FUESSV50	16,580	6.83%	18.01%
FUESSVFL	16,000	1.01%	11.50%
FUEVFN30	22,300	-0.62%	-0.45%
FUEVN100	13,260	-0.23%	2.39%
VN30F2312	1,028	0.06%	
VN30F2309	1,029	0.03%	
VN30F2306	1,030	0.05%	
VN30F2305	1,034	-0.14%	

THAY ĐỔI GIÁ TẠI CÁC NGÀNH

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

		1D	YTD
Nikkei	29,157.95	0.00%	11.74%
Shanghai	3,334.50	-0.48%	7.94%
Kospi	2,500.94	0.00%	11.83%
Hang Seng	20,033.00	0.42%	1.27%
STI (Singapore)	3,266.63	-0.08%	0.47%
SET (Thái Lan)	1533.30	0.00%	-8.21%
Dầu Brent (\$/thùng)	70.36	-3.10%	-18.10%
Vàng (\$/ounce)	2,045.25	-0.62%	11.99%

Trong phiên giao dịch chiều 5/5, chứng khoán châu Á biến động trái chiều sau khi Phố Wall lao dốc phiên trước do lo ngại mới về những rắc rối của ngành ngân hàng.

KINH TẾ VĨ MÔ

		1D (bps)	YTD (bps)
Lãi suất liên NH	4.91%	0	-6
Lãi suất tiết kiệm 12T	7.20%	0	-20
TPCP - 5 năm	2.95%	-5	-184
TPCP - 10 năm	3.12%	-5	-178
USD/VND	23,660	0.15%	-0.42%
EUR/VND	26,305	-1.05%	2.52%
CNY/VND	3,464	-0.06%	-0.60%

Số liệu của NHNN cho biết, đến cuối tháng 02/2023, tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 2,91% (tăng so với mức 2,46% vào cuối năm 2016; mức 1,49% vào cuối năm 2021 và mức 2,0% vào cuối năm 2022). NHNN xác định tổng nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn thành nợ xấu của hệ thống các TCTD đến cuối tháng 02/2023 ước chiếm tỷ lệ 5% so với tổng dư nợ.

LỊCH SỰ KIỆN

Mã	Ngày GDKHQ	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Loại	Tỉ lệ	Giá trị
SFN	5/5/2023	5/8/2023	6/8/2023	Tiền mặt		700
TB8	5/5/2023	5/8/2023	5/22/2023	Tiền mặt		1,200
DM7	5/5/2023	5/8/2023	5/15/2023	Tiền mặt		700
FMC	5/8/2023	5/9/2023	5/26/2023	Tiền mặt		2,000
COM	5/8/2023	5/9/2023	5/26/2023	Tiền mặt		1,500
CAP	5/9/2023	5/10/2023	5/17/2023	Tiền mặt		4,200
NHT	5/10/2023	5/11/2023	5/22/2023	Tiền mặt		1,500
DHG	5/10/2023	5/11/2023	5/19/2023	Tiền mặt		3,500

TIN TỨC CHỌN LỌC

Kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước 4 tháng năm 2023 tăng 54,5%;

Việt Nam giảm đầu tư ra nước ngoài;

Chính phủ đề nghị Quốc hội xem xét giảm thuế VAT tại kỳ họp tháng 5;

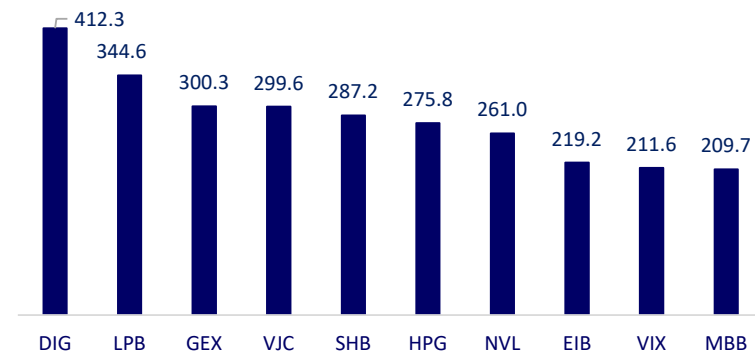
Ngày càng xuất hiện nhiều tín hiệu về một cuộc khủng hoảng tín dụng ở Mỹ;

ECB tiếp tục tăng lãi suất thêm 25 điểm cơ bản;

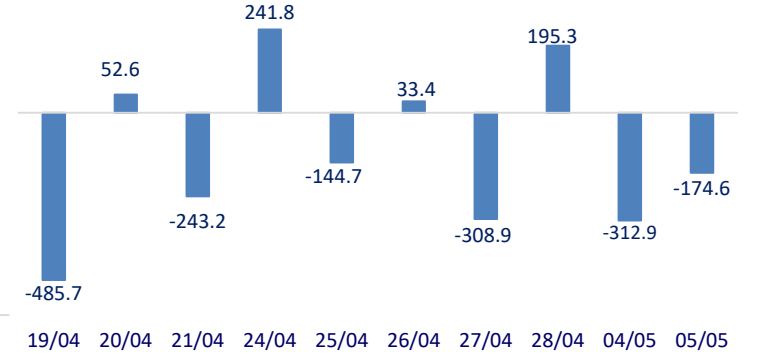
Vàng thế giới tiến gần mức đỉnh mọi thời đại.

	Đóng cửa	1D	5D	KL mua	KL bán	Nội dung
VCB	89,800	1.47%	-0.77%	462,164	682,965	BID: BIDV có kế hoạch tăng vốn điều lệ lên hơn 61.557 tỷ trong năm 2023 theo 2 đợt phát hành. Đợt 1, ngân hàng sẽ phát hành gần 642 triệu cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông, tỷ lệ 12,69% số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm 31/12/2022. Nguồn thực hiện lấy từ lợi nhuận còn lại năm 2021 sau trích lập cá quỹ. Theo đó, vốn điều lệ sẽ tăng thêm hơn 6.419 tỷ đồng. Đợt 2, BIDV phát hành riêng lẻ hoặc chào bán ra công chúng hơn 455 triệu cổ phiếu theo theo Phương án đã được ĐHCĐ thường niên 2022 thông qua (dự kiến 9% vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022). Vốn điều lệ theo phương án này sẽ tăng thêm 4.552 tỷ đồng.
BID	43,450	-0.69%	-0.11%	593,618	687,623	
CTG	27,850	-1.42%	-3.47%	5,303,286	5,173,169	
TCB	28,700	-1.20%	-2.71%	5,514,126	5,148,505	
VPB	19,450	-0.51%	-2.26%	10,322,455	12,827,476	
MBB	18,100	-0.55%	-1.90%	7,711,271	8,199,949	
HDB	19,050	1.33%	1.33%	2,036,993	2,167,002	
TPB	23,350	-1.06%	-1.89%	3,414,056	3,645,965	
STB	24,950	-0.80%	-1.38%	16,476,345	18,828,726	
VIB	20,150	-0.25%	-1.71%	4,754,255	5,024,695	
ACB	24,650	-0.20%	1.86%	5,866,921	5,198,518	
NVL	13,550	0.00%	-5.24%	61,794,996	38,536,179	NVL: Q1, Novaland lỗ ròng hơn 410 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi hơn 1.045 tỷ đồng. Đây cũng là lần đầu tiên tập đoàn này báo lỗ trong một quý kể từ khi niêm yết vào năm 2016 đến nay.
BCM	77,900	-0.26%	-1.02%	131,270	122,061	
PDR	13,500	-1.46%	-4.59%	10,597,155	10,115,458	PLX: Năm 2023, PLX dự kiến xây mới 76 cửa hàng xăng dầu với giá trị đầu tư là 360 tỷ đồng, cải tạo nâng cấp 470 cửa hàng với giá trị đầu tư khoảng 950 tỷ đồng
GAS	91,900	-0.11%	-0.97%	343,557	448,659	
POW	13,050	0.38%	-0.38%	28,992,608	12,258,229	
PLX	37,800	0.93%	0.93%	1,898,967	2,226,145	VHM: Trong quý 1, Vinhomes ghi nhận lợi nhuận sau thuế 11.923 tỷ đồng, gấp 2,5 lần so với cùng kỳ. Doanh nghiệp này cũng là cái tên duy nhất trên sàn lãi ròng trên 10.000 tỷ trong quý đầu năm.
VIC	50,700	-1.17%	-2.69%	2,267,322	2,927,229	
VHM	49,000	-1.01%	-1.01%	1,341,006	1,929,435	
VRE	27,150	-0.37%	-1.99%	2,945,284	3,270,464	SAB: Mục tiêu của Sabeco trong năm nay là giữ vững biên lợi nhuận gộp gần 31%, trong bối cảnh chi phí đầu vào trung bình dự kiến cao hơn năm ngoái.
VNM	68,800	0.29%	-1.71%	1,600,629	1,361,471	
MSN	73,000	3.40%	-0.14%	1,912,097	1,558,715	GVR: Q1/2023 với doanh thu thuần giảm 16% xuống mức 4.135 tỷ đồng. Doanh thu sản xuất và kinh doanh mủ cao su của doanh nghiệp ghi nhận 2.915 tỷ đồng, giảm 3% so với cùng kỳ năm trước; doanh thu từ chế biến gỗ đạt 556 tỷ đồng, giảm 42%.
SAB	165,500	-0.66%	-3.78%	164,983	217,702	
BVH	45,900	1.44%	2.23%	628,925	808,455	
VJC	96,000	0.52%	-1.03%	135,963	150,786	
FPT	78,400	-0.13%	1.16%	895,633	689,388	
MWG	37,800	-0.26%	-3.57%	2,571,533	3,245,854	
GVR	15,500	-1.27%	-0.32%	3,643,184	5,507,521	
SSI	21,450	-1.38%	-0.46%	16,349,468	21,348,691	
HPG	21,450	0.70%	-0.92%	22,709,442	25,626,372	

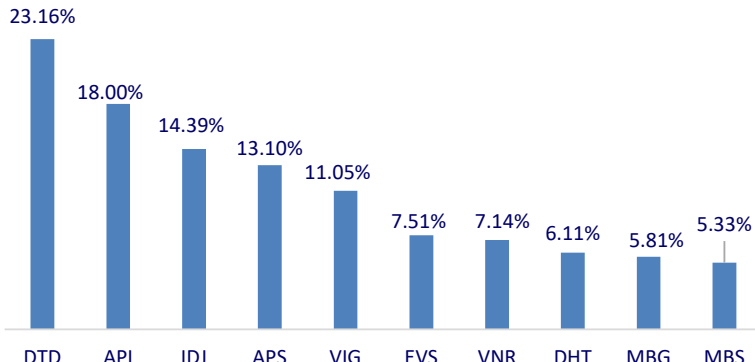
Top CP có tổng giá trị giao dịch cao nhất (tỷ đồng)



Dòng tiền NĐTNN 10 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top tăng 3 phiên có thanh khoản



Top giảm 3 phiên có thanh khoản

